

QUYẾT ĐỊNH

Xử phạt vi phạm hành chính về thuế

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Điều 57, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính;
Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ các Luật thuế, Luật Phí và lệ phí và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

Căn cứ Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn;

Căn cứ Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thuế thuộc Tổng cục Thuế;

Căn cứ Biên bản thanh tra thuế ký ngày 12/05/2023 giữa Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp Sông Đà và Đoàn thanh tra theo 44066/QĐ-CTHN-TTKT7 ngày 08/09/2022 của Cục Trưởng Cục Thuế TP Hà Nội về việc thanh tra tại Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp Sông Đà;

Căn cứ Kết luận thanh tra số 35359 /KL-CT-CTHN-TTKT7 ngày 23 /05/2023.

Căn cứ Quyết định số 66267/QĐ-CTHN ngày 30/12/2022 về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn của Cục Thuế TP Hà Nội

Xét đề nghị của ông Trưởng Phòng Thanh tra - Kiểm tra số 7 - Cục thuế TP Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

1. Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp Sông Đà;

Mã số thuế: 0500450173;

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội.



Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500450173 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/05/2004, thay đổi lần thứ 14 ngày 05/08/2022.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Phương Đông Giới tính: Nam

Chức danh: Giám Đốc

2. Đã thực hiện các hành vi vi phạm hành chính:

- Về Thuế GTGT:

+ Người nộp thuế kê khai khấu trừ thuế GTGT của HHDV mua vào không đúng quy định tại Điều 14, Điều 15, Mục 1, Chương III, Thông tư số 219/2013/TT- BTC ngày 31/12/2013; Khoản 9, Khoản 10, Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính.

+ Người nộp thuế kê khai thuế GTGT của HHDV bán ra không đúng quy định tại Điều 4, Điều 8, Điều 11, Thông tư số 219/2013/TT- BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính;

+ Người nộp thuế kê khai thuế không đúng quy định tại Khoản 5, Điều 10, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

- Về Thuế TNDN:

+ Người nộp thuế hạch toán vào chi phí tính thuế TNDN các khoản chi không được trừ không theo quy định tại Khoản 1, Điều 6, Chương II, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014; Điều 4, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính.

+ Người nộp thuế hạch toán chi phí là hóa đơn mua hàng của doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh theo thông báo của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 4, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

3. Các tình tiết tăng nặng: Không có.

4. Các tình tiết giảm nhẹ: Không có.

5. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền

Cụ thể:

- Phạt tiền (TM 4254), số tiền: 524.179.312 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm hai mươi tư triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn, ba trăm mười hai đồng*) theo quy định tại Điều c, Khoản 2, Điều 138 Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và Khoản 1, Khoản 2, Điều 10 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ; Khoản 1, Điều 16, Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ do có hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp;

- Phạt tiền (TM 4254): 13.650.000 đồng (*Bằng chữ: Mười ba triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) theo quy định tại Khoản 3, Điều 12, Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 do có hành vi Khai sai, khai không đầy đủ các chỉ tiêu liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế trong hồ sơ thuế (*Tờ khai thuế GTGT tháng 06/2021, tháng 10/2021*).

- Phạt tiền (TM 4254): 6.500.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng*) theo quy định tại Khoản 3, Điều 12, Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 do có hành vi Khai sai, khai không đầy đủ các chỉ tiêu liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế trong hồ sơ thuế (*Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2021*).

- Phạt tiền (TM 4254): 114.840.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười bốn triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng*) Tiền phạt vi phạm trốn thuế theo quy định tại Khoản 1.d, Khoản 2, Điều 17, Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 do có hành vi xử dụng hóa đơn không hợp pháp làm giảm số thuế phải nộp.

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không có.

c) Các biện pháp khắc phục hậu quả:

* Chi tiết các biện pháp:

- Nộp đủ số tiền thuế GTGT còn thiếu vào Ngân sách nhà nước, số tiền 12.336.770.194 đồng (*bằng chữ: Mười hai tỷ, ba trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn, một trăm chín mươi bốn đồng*) (Năm 2017: 199.224.844 đồng, Năm 2018: 704.846.954 đồng, Năm 2019: 9.090.909 đồng, Năm 2020: 11.293.305.082 đồng, Năm 2021: 130.302.405 đồng) – Tiểu mục 1701.

- Nộp đủ số tiền thuế TNDN còn thiếu vào Ngân sách nhà nước, số tiền 1.953.331.890 đồng (*bằng chữ: Một tỷ, chín trăm năm mươi ba triệu, ba trăm ba mươi một nghìn, tám trăm chín mươi đồng*), trong đó:

+ Thuế TNDN từ hoạt động khác, số tiền 1.791.387.413 đồng (Năm 2017: 233.064.532 đồng, Năm 2018: 870.447.174 đồng, Năm 2019: 420.015.991 đồng, Năm 2020: 267.859.716 đồng) – Tiểu mục: 1052

+ Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng BĐS năm 2020, số tiền: 161.944.477 đồng – Tiểu mục 1053

- Nộp tiền chậm nộp tiền thuế vào Ngân sách nhà nước, số tiền: 1.360.226.020 đồng (*bằng chữ: Một tỷ, ba trăm sáu mươi triệu, hai trăm hai mươi sáu nghìn, không trăm hai mươi đồng*) theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 59, Luật số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Luật Quản lý thuế và Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ do có hành vi chậm nộp tiền thuế Trong đó:

+ Tiền chậm nộp thuế GTGT số tiền: 615.994.436 đồng – TM 4931.

+ Tiền chậm nộp thuế TNDN số tiền: 744.231.584 đồng – TM 4918.

Số tiền chậm nộp tiền thuế nêu trên được tính đến hết ngày 05/05/2023. Yêu cầu Công ty tự tính và nộp số tiền phạt chậm nộp tiền thuế kể từ ngày 06/05/2023 đến ngày nộp đủ số tiền thuế chậm nộp vào ngân sách Nhà Nước theo quy định.

6. Một số nội dung xử lý khác:

- Giảm thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau năm 2021, số tiền: 938,448 đồng.

- Giảm lỗ, số tiền: 17.492.119.096 đồng. Số lỗ còn được chuyển kỳ sau, số tiền: 7.423.515.828 đồng. Chi tiết:



Năm	Số báo cáo	Số thanh tra	Chênh lệch
2017	(3.942.259.770)	0	3.942.259.770
2018	(10.013.792.659)	0	10.013.792.659
2021	(10.959.582.495)	(7.423.515.828)	3.536.066.667

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2023.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Nguyễn Phương Đông là đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Trong thời hạn 10 kể từ ngày nhận được quyết định này, Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp Sông Đà phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Số tiền thuế thiếu, số tiền phạt, tiền khắc phục hậu quả khác vào tài khoản số 7111 tại Kho bạc Nhà nước thành phố Hà Nội (cơ quan quản lý thu: Cục Thuế thành phố Hà Nội).

Nếu quá thời hạn nêu trên mà Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp Sông Đà không chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính theo quy định của pháp luật.

Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp Sông Đà có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

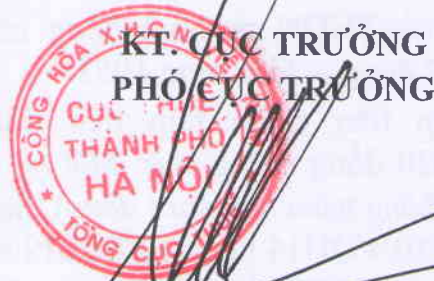
2. Gửi cho Kho bạc nhà nước TP Hà Nội để thu tiền.

3. Gửi cho Phòng Kế khai và Kế toán thuế; Phòng Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, Trưởng Phòng Thanh tra - Kiểm tra số 7, Trưởng phòng Thanh tra - Kiểm tra thuế số 8 để tổ chức thực hiện. / *Hoo*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT; TTKT7. *g/HS (7,4)*



Nguyễn Tiến Trường